



TỜ TRÌNH
Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng,

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (*Báo cáo tài chính đã đăng tải công khai trên trang Website của Công ty*)

Đề nội dung báo cáo phù hợp với các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội thường niên năm 2023 đã thông qua, nội dung Tờ trình bao gồm:

- Mục A: Báo cáo tóm tắt chỉ tiêu tài chính riêng của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
- Mục B: Báo cáo tóm tắt chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Hồng Minh

MỤC A
BÁO CÁO TÓM TẮT CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH RIÊNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | 31-12-23 |
|------------|----------------------------|--------------------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 1.660.986.633.819 |
| II | Tài sản dài hạn | 4.418.579.181.503 |
| III | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 6.079.565.815.322 |
| IV | Nợ phải trả | 1.089.065.032.779 |
| V | Vốn chủ sở hữu | 4.990.500.782.543 |
| VI | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 6.079.565.815.322 |

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 |
|------------|----------------------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 1.551.976.877.956 |
| 2 | Tổng chi phí | 940.304.894.843 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 611.671.983.113 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 524.665.978.303 |

II. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 |
|------------|---|-----------------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | |
| | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 0,27 |
| | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | 0,73 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | |
| | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | 0,18 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | 0,82 |
| 3 | Khả năng thanh toán | |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | 2,76 |
| | - Khả năng thanh toán ngắn hạn | 2,89 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,09 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,42 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu | 0,11 |

MỤC B
BÁO CÁO TÓM TẮT CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | 31-12-23 |
|------------|----------------------------|--------------------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 3.080.149.353.524 |
| II | Tài sản dài hạn | 3.998.832.422.964 |
| III | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 7.078.981.776.488 |
| IV | Nợ phải trả | 1.343.392.680.436 |
| V | Vốn chủ sở hữu | 5.735.589.096.052 |
| VI | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 7.078.981.776.488 |

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 |
|-----|----------------------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 2.514.412.752.236 |
| 2 | Tổng chi phí | 1.676.687.212.795 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 915.352.968.825 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 745.379.622.336 |

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 |
|----------|---|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | |
| | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 0,44 |
| | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | 0,56 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | |
| | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | 0,19 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | 0,81 |
| 3 | Khả năng thanh toán | |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | 3,63 |
| | - Khả năng thanh toán ngắn hạn | 3,76 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,11 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,35 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu | 0,13 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2023



MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 9 - 10 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 11 - 53 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|-----------------|
| Ông Phạm Hồng Minh | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Lương Đình Minh | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Văn Dũng | Thành viên HĐQT |
| Bà Đỗ Thị Thanh Thủy | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Tường Anh | Thành viên HĐQT |
| Ông Đinh Văn Thạch | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Cảnh Bình | Thành viên HĐQT |

Ban Kiểm soát

| | |
|---------------------|------------|
| Bà Đào Thị Thu Hà | Trưởng Ban |
| Bà Nguyễn Thị Hằng | Thành viên |
| Ông Đồng Xuân Khanh | Thành viên |

Ban Kiểm toán nội bộ

| | |
|---------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Vũ Hà | Trưởng Ban |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Phó Trưởng Ban |
| Ông Vũ Văn Hợi | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | |
|----------------------|--|
| Ông Nguyễn Tường Anh | Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Tuấn Hải | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/10/2023) |
| Ông Hà Vũ Hào | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Ngô Trung Hiếu | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Chu Minh Hoàng | Phó Tổng Giám đốc |

Kế toán trưởng của Công ty là bà Trần Thị Thanh Hải.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Số: 151/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 53 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 150,47 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty từ năm 2020 đến năm 2023.

2. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng này. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty (đính kèm).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại ngày 28/02/2023 liên quan đến việc ghi nhận giá trị tài sản 02 cầu cảng 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng, các khoản vay và chi phí lãi vay tương ứng được ghi nhận đối với báo cáo tài chính và việc điều chỉnh cần thiết (nếu có) khi Bộ Tài chính yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2020-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2023

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|--|--------------|--------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.660.986.633.819 | 2.336.505.444.557 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 80.830.437.874 | 487.327.218.671 |
| Tiền | 111 | | 50.230.437.874 | 59.127.218.671 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 30.600.000.000 | 428.200.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5 | 766.098.000.000 | 1.107.488.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 766.098.000.000 | 1.107.488.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 625.951.321.912 | 656.474.383.750 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 148.316.144.394 | 177.091.615.577 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 208.657.181.161 | 237.749.123.114 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 295.721.754.081 | 266.950.846.766 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 10 | (26.743.757.724) | (25.317.201.707) |
| Hàng tồn kho | 140 | 9 | 77.574.889.957 | 63.750.549.415 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 77.574.889.957 | 63.750.549.415 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 110.531.984.076 | 21.465.292.721 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 14 | 13.433.610.952 | 15.917.699.028 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 96.520.193.471 | 5.522.607.144 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 16 | 578.179.653 | 24.986.549 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 4.418.579.181.503 | 3.350.595.230.487 |
| Tài sản cố định | 220 | | 1.676.525.986.986 | 1.784.486.112.707 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 1.669.324.327.734 | 1.778.607.763.344 |
| - Nguyên giá | 222 | | 4.736.901.059.496 | 4.716.040.761.429 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (3.067.576.731.762) | (2.937.432.998.085) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 7.201.659.252 | 5.878.349.363 |
| - Nguyên giá | 228 | | 37.007.784.199 | 34.425.317.486 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (29.806.124.947) | (28.546.968.123) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 11 | 1.620.070.351.515 | 127.314.227.428 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 1.620.070.351.515 | 127.314.227.428 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5 | 1.067.264.552.087 | 1.377.439.469.995 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | 969.501.691.109 | 1.279.501.691.109 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 95.671.237.464 | 95.671.237.464 |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 253 | | 17.640.362.162 | 17.640.362.162 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (15.548.738.648) | (15.373.820.740) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 54.718.290.915 | 61.355.420.357 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 40.484.508.933 | 47.921.306.082 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 31.1 | 14.233.781.982 | 13.434.114.275 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 6.079.565.815.322 | 5.687.100.675.044 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.089.065.032.779 | 1.043.987.495.804 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 574.338.297.451 | 494.392.300.352 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 142.911.983.638 | 90.898.635.541 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 1.433.669.625 | 1.485.321.750 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 36.829.651.478 | 47.099.439.242 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 121.480.362.393 | 83.310.533.761 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 18 | 221.879.005.906 | 218.121.309.918 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 19 | 9.542.909.868 | 16.100.831.109 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 17 | 26.112.719.131 | 27.543.252.235 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 14.147.995.412 | 9.832.976.796 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 514.726.735.328 | 549.595.195.452 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 17 | 514.726.735.328 | 549.595.195.452 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 4.990.500.782.543 | 4.643.113.179.240 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 4.990.500.782.543 | 4.643.113.179.240 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 3.269.600.000.000 | 3.269.600.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 3.269.600.000.000 | 3.269.600.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.153.754.634.684 | 823.809.122.682 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 567.146.147.859 | 549.704.056.558 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 42.480.169.556 | 549.704.056.558 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 524.665.978.303 | - |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 6.079.565.815.322 | 5.687.100.675.044 |

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hải



Tổng Giám đốc

Nguyễn Trường Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 22 | 1.254.275.621.506 | 1.354.774.784.702 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.254.275.621.506 | 1.354.774.784.702 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 23 | 833.843.857.177 | 898.320.000.874 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 420.431.764.329 | 456.454.783.828 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 293.716.534.100 | 255.902.206.439 |
| Chi phí tài chính | 22 | 25 | 8.195.031.662 | 15.446.883.754 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 6.529.402.168 | 7.369.444.568 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 28 | 97.320.023.318 | 99.964.148.965 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 608.633.243.449 | 596.945.957.548 |
| Thu nhập khác | 31 | 26 | 3.984.722.350 | 9.508.433.050 |
| Chi phí khác | 32 | 27 | 945.982.686 | 1.763.314.661 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 3.038.739.664 | 7.745.118.389 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 611.671.983.113 | 604.691.075.937 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 30 | 87.805.672.517 | 95.106.393.921 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 31.2 | (799.667.707) | (799.667.707) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 524.665.978.303 | 510.384.349.723 |

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quyên

Trần Thị Thanh Hải

Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

| Chỉ tiêu | Mã Thuyết số minh | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 1 | 611.671.983.113 | 604.691.075.937 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 141.716.785.974 | 139.200.840.668 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 1.601.473.925 | 336.492.913 |
| (Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (12.667.771.899) | (29.798.335.551) |
| (Lãi) hoạt động đầu tư | 05 | (279.255.136.973) | (215.679.790.582) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 6.529.402.168 | 7.369.444.568 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 469.596.736.308 | 506.119.727.953 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (14.896.064.960) | (250.211.666.794) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (13.824.340.542) | (1.127.434.972) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 67.216.020.459 | 5.807.276.879 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 9.920.885.225 | (8.929.813.630) |
| Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (2.758.662.180) | (3.702.292.222) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (77.018.083.281) | (81.688.844.302) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 24.800.000 | 80.964.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (42.070.175.216) | (44.060.910.067) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 396.191.115.813 | 122.287.006.845 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (1.526.911.218.395) | (142.121.970.329) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 1.377.646.000 | (138.888.889) |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (1.523.230.000.000) | (1.287.288.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 1.864.620.000.000 | 1.536.818.000.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (12.528.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 310.000.000.000 | - |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 230.188.923.610 | 222.897.578.676 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (643.954.648.785) | 317.638.719.458 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

| Chỉ tiêu | Mã Thuyết số minh | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|---|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (26.819.358.566) | (28.989.471.011) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (130.745.161.000) | (130.731.028.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (157.564.519.566) | (159.720.499.011) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (405.328.052.538) | 280.205.227.292 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 487.327.218.671 | 205.582.871.081 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (1.168.728.259) | 1.539.120.298 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 80.830.437.874 | 487.327.218.671 |

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hải

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 9 - 10 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 11 - 51 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Phạm Hồng Minh | Chủ tịch |
| Ông Lương Đình Minh | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Dũng | Thành viên |
| Bà Đỗ Thị Thanh Thủy | Thành viên |
| Ông Nguyễn Tường Anh | Thành viên |
| Ông Đinh Văn Thạch | Thành viên |
| Ông Nguyễn Cảnh Bình | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|---------------------|------------|
| Bà Đào Thị Thu Hà | Trưởng Ban |
| Bà Nguyễn Thị Hằng | Thành viên |
| Ông Đồng Xuân Khanh | Thành viên |

Ban Kiểm toán nội bộ

| | |
|---------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Vũ Hà | Trưởng Ban |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Phó Trưởng Ban |
| Ông Vũ Văn Hợi | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | |
|----------------------|--|
| Ông Nguyễn Tường Anh | Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Tuấn Hải | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/10/2023) |
| Ông Hà Vũ Hào | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Ngô Trung Hiếu | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Chu Minh Hoàng | Phó Tổng Giám đốc |

Kế toán trưởng của Công ty là bà Trần Thị Thanh Hải

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trường Anh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Số: 152/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 51 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 150,47 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ của Công ty từ năm 2020 đến năm 2023.

2. Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty (đính kèm).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại ngày 28/02/2023 liên quan đến việc ghi nhận giá trị tài sản 02 cầu cảng 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng, các khoản vay và chi phí lãi vay tương ứng được ghi nhận đối với báo cáo tài chính và việc điều chỉnh cần thiết (nếu có) khi Bộ Tài chính yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2020-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2023

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 3.080.149.353.524 | 4.093.443.617.376 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 198.481.615.722 | 682.687.029.154 |
| Tiền | 111 | | 85.881.615.722 | 120.987.029.154 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 112.600.000.000 | 561.700.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.1 | 1.963.998.000.000 | 2.481.188.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 1.963.998.000.000 | 2.481.188.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 686.943.232.727 | 803.968.925.588 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 247.894.495.258 | 302.038.745.747 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 210.344.692.764 | 266.072.476.187 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 264.054.474.748 | 269.712.316.194 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (35.350.430.043) | (33.854.612.540) |
| Hàng tồn kho | 140 | 10 | 103.657.874.839 | 93.461.943.822 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 103.657.874.839 | 93.461.943.822 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 127.068.630.236 | 32.137.718.812 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 12 | 18.785.814.008 | 23.940.848.102 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 13 | 105.511.961.546 | 5.981.696.061 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 17 | 2.770.854.682 | 2.215.174.649 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 3.998.832.422.964 | 2.521.927.144.278 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 122.986.000 | 158.986.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 122.986.000 | 158.986.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 1.975.271.207.436 | 1.972.875.091.408 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 1.967.893.459.474 | 1.966.687.463.363 |
| - Nguyên giá | 222 | | 7.373.370.104.670 | 7.203.328.220.192 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (5.405.476.645.196) | (5.236.640.756.829) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 14 | 7.377.747.962 | 6.187.628.045 |
| - Nguyên giá | 228 | | 43.682.888.899 | 41.100.422.186 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (36.305.140.937) | (34.912.794.141) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 11 | 1.621.046.769.023 | 127.332.409.246 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 1.621.046.769.023 | 127.332.409.246 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 316.727.616.827 | 326.396.053.176 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 5.3 | 300.548.385.677 | 310.176.822.026 |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 253 | 5.2 | 17.640.362.162 | 17.640.362.162 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 5.2 | (1.461.131.012) | (1.421.131.012) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 85.663.843.678 | 95.164.604.448 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12 | 71.430.061.696 | 81.730.490.173 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 14.233.781.982 | 13.434.114.275 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 7.078.981.776.488 | 6.615.370.761.654 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2023

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.343.392.680.436 | 1.232.592.796.541 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 819.416.783.580 | 678.607.063.143 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 175.280.784.362 | 121.892.026.227 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 16 | 3.635.699.583 | 4.342.916.705 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 17 | 55.309.394.396 | 69.863.390.619 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 211.278.840.353 | 173.089.054.241 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 19 | 223.390.146.403 | 219.123.666.508 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 20 | 70.124.312.770 | 25.505.681.989 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 18 | 26.112.719.131 | 27.543.252.235 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 21 | 16.018.000.000 | 6.160.188.100 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 38.266.886.582 | 31.086.886.519 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 523.975.896.856 | 553.985.733.398 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 18 | 514.726.735.328 | 549.595.195.452 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả | 341 | | 9.249.161.528 | 4.390.537.946 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 5.735.589.096.052 | 5.382.777.965.113 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 22 | 5.735.589.096.052 | 5.382.777.965.113 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 3.269.600.000.000 | 3.269.600.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 3.269.600.000.000 | 3.269.600.000.000 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 63.049.858.714 | 70.026.658.714 |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | (613.301.691.109) | (613.301.691.109) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.423.444.017.672 | 1.081.181.705.670 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 844.224.801.999 | 834.858.605.836 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 276.988.376.703 | 258.616.071.972 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 567.236.425.296 | 576.242.533.864 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 748.572.108.776 | 740.412.686.002 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 7.078.981.776.488 | 6.615.370.761.654 |

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hải

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 24 | 2.156.446.439.191 | 2.349.509.752.589 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 2.156.446.439.191 | 2.349.509.752.589 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | 1.400.571.706.996 | 1.504.407.432.501 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 755.874.732.195 | 845.102.320.088 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 217.051.966.215 | 192.866.413.236 |
| Chi phí tài chính | 22 | 27 | 8.911.950.492 | 18.028.245.321 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 6.529.402.168 | 7.369.444.568 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 77.627.429.384 | 69.348.818.683 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 30 | 216.285.601.475 | 215.446.760.798 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 825.356.575.827 | 873.842.545.888 |
| Thu nhập khác | 31 | 28 | 140.914.346.830 | 20.490.866.058 |
| Chi phí khác | 32 | 29 | 50.917.953.832 | 3.009.464.743 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 89.996.392.998 | 17.481.401.315 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 915.352.968.825 | 891.323.947.203 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 32 | 165.914.390.614 | 171.768.260.017 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 4.058.955.875 | (4.589.858.232) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 745.379.622.336 | 724.145.545.418 |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 567.236.425.296 | 576.242.533.864 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 178.143.197.040 | 147.903.011.554 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 33 | 1.735 | 1.762 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 34 | 1.735 | 1.762 |

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Quyên

Trần Thị Thanh Hải

Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

| Chỉ tiêu | Mã Thuyết số minh | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|-------------------|--------------------------|------------------------|
| | | VND | VND |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 1 | 915.352.968.825 | 891.323.947.203 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSDT | 02 | 208.203.952.585 | 202.015.833.161 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 11.393.629.403 | (10.432.511.836) |
| (Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (13.020.739.924) | (29.355.311.230) |
| (Lãi) hoạt động đầu tư | 05 | (276.105.549.596) | (184.612.269.131) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 6.529.402.168 | 7.369.444.568 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 852.353.663.461 | 876.309.132.735 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 81.419.295.624 | (250.034.951.983) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (10.195.931.017) | (8.981.384.335) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 70.689.960.834 | 35.759.170.525 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 15.455.462.571 | (9.557.027.172) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (2.758.662.180) | (3.702.292.222) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (159.293.419.073) | (156.763.459.610) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 128.800.000 | 2.179.401.628 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (104.512.144.076) | (97.879.154.156) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 743.287.026.144 | 387.329.435.410 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (1.704.860.714.445) | (153.627.535.759) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 3.487.985.909 | 10.311.362.112 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (3.881.130.000.000) | (3.440.988.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 4.398.320.000.000 | 3.711.518.000.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (12.528.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 13.680.000.000 | - |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 200.440.581.449 | 147.253.066.937 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (970.062.147.087) | 261.938.893.290 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|-----------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (26.819.358.566) | (28.989.471.011) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (229.363.254.578) | (248.877.877.070) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (256.182.613.144) | (277.867.348.081) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (482.957.734.087) | 371.400.980.619 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 4 | 682.687.029.154 | 308.962.376.156 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (1.247.679.345) | 2.323.672.379 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 4 | 198.481.615.722 | 682.687.029.154 |

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hải

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh